TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2026
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Toàn

Ông Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số: 038174033166; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị; căn cước công dân số: 044070000231; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh M thường xuyên đánh đập chị từ khi chị có bầu đứa con thứ nhất. Lần gần nhất anh M đánh chị H vào ngày 24/12/2025, khiến chị H phải

nhập viện tại Bệnh viện Đ. Do tình cảm không còn, bản thân anh M là người bạo lực gia đình nên chị H xin ly hôn với anh M.

- Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quang N, sinh năm 2000 và Trần Hà B, sinh ngày 17/9/2008. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hà B, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Quang N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2026: Anh và chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giữa anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần Quang N, sinh năm 2000 và cháu Trần Hà B, sinh ngày 17/9/2008. Nay chị H quyết định ly hôn thì anh M đồng ý theo yêu cầu của chị H. Về con chung, cứ giải quyết theo nguyện vọng, anh không tranh chấp gì.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Trần Văn M trình bày: Tại biên bản lấy lời khai có trình bày là đồng ý ly hôn nhưng hôm nay cũng mong muốn chị H quay lại để xây dựng gia đình; đối với con chung thì theo nguyện vọng của con; tài sản chung thì anh và chị H sẽ tự giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H. Về quan hệ hôn nhân: chị H được ly hôn với anh M. Về con chung: giao con chung là cháu Trần Hà B, sinh ngày 17/9/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hà Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh M cho biết địa chỉ đăng ký thường trú của anh tại thôn T, xã K, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Trần Văn M đều thừa nhận cả hai tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Chị H cho rằng, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện sống ly thân, bản thân anh M là người bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập chị, đánh đập chị từ khi chị có bầu đứa con thứ nhất với anh M *(tức là khi có bầu cháu Trần Quang N)*. Lần gần nhất mà anh M đánh chị là vào ngày 24/12/2025, khiến chị H phải nhập viện tại Bệnh viện Đ. Để chứng minh cho hành vi đánh đập của anh M, chị H đã cung cấp các hình ảnh thể hiện vết bầm tím trên cơ thể của chị H do anh M gây ra. Do đó, chị H nộp đơn xin ly hôn với anh M.

Theo quy định của pháp luật: *"Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình"*. Hành vi đánh đập hoặc cố ý xâm hại đến sức khỏe của anh M đối với chị H đã thuộc một trong các hành vi bạo lực gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực gia đình là hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Hành vi bạo lực của anh M không chỉ gây tổn hại về thể chất và tinh thần cho chị H mà còn làm mất đi sự tin tưởng, tôn trọng và bình đẳng giữa vợ chồng, khiến quan hệ hôn nhân không còn cơ sở để duy trì. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh M là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh M có hành vi bạo lực gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang N, sinh năm 2000 và Trần Hà B, sinh ngày 17/9/2008. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Hà B, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Quang N đã thành niên và lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Bản thân anh M cũng đồng ý giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của con chung, anh không tranh chấp gì. Tòa án đã nhận được nguyện vọng của cháu Trần Hà B thể hiện, cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn cuộc sống của con, yêu cầu nuôi con của chị H hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Hà B cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Trần Văn M.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Hà B, sinh ngày 17/9/2008 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

1.4. Về quan hệ nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0000147 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm*)* ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 2 - Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã EA RỐK, tỉnh Đắk Lắk;
- Công an xã Kim Điền, tỉnh Quảng Trị;
- Văn phòng TAND KV2 – Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh